TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2017/ DS-PT
Ngày: 23 - 8 - 2017
V/v tranh chấp yêu cầu
bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Nguyễn Thị Kim Hường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông **Chiêm Văn Hùng**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt H, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị Hồng M (vợ ông T), sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Phạm Thị Út N (vợ ông H), sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Út N – đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông T trình bày: Ông thuê 12 công đất ruộng giáp ranh với đất của ông H (ông H mướn đất của ông S và lên vuông nuôi tôm). Tháng 4/2016 ông xạ 06 công lúa, phía bên ông H bơm nước mặn nuôi tôm làm tràn qua đất lúa của ông. Phía 03 công đất giáp với vuông của ông H bị nhiễm mặn nhiều nên khi mới xạ lúa được 10 ngày thì phát hiện lúa chết, ông có thông báo cho ông H và chính quyền địa phương biết, chính quyền địa phương có đến hòa giải vận động hai bên, ông H nói để ông H nhận làm 03 công bị nhiễm mặn, còn ông làm 03 công phía trên, sau này khi ông thu hoạch 03 công trên bao nhiêu thì ông H bồi thường cho ông 03 công dưới bằng với 03 công ông canh tác phía trên, hai bên có làm giấy thỏa thuận, có chính quyền địa phương chứng kiến. Sau khi ký thỏa thuận xong được 15 ngày thì vợ chồng ông H đổi ý, không thừa nhận việc nước mặn bên vuông của ông H tràn qua làm chết lúa của ông.

Nay ông yêu cầu ông H, bà N bồi thường các khoản chi phí sau: tiền thuê đất 03 công là 3.000.000 đồng; tiền phân bón 03 công 360.000 đồng; tiền cày, xới 03 công 720.000 đồng; tiền lúa giống 03 công 780.000 đồng; tiền mướn dặm lúa 2.000.000 đồng, tổng cộng là 6.860.000 đồng.

Bị đơn ông H trình bày: Ông ký thỏa thuận bồi thường 03 công đất bị ngập mặn với ông T là do bị Ban lãnh đạo khu phố ép buộc. Lúc đó ông có nói là muốn gì mời hết dân địa phương lại chứng kiến, Ban lãnh đạo khu phố không mời và nói nếu hai bên không thỏa thuận bồi thường được với nhau thì chính quyền không cho vợ chồng ông tiếp tục nuôi tôm, nên ông đồng ý ký thỏa thuận.

Bà Phạm Thị Út N trình bày: Nước mặn bên vuông của vợ chồng bà không có tràn qua đất của ông T. Vào ngày 07/6/2016 Ban lãnh đạo khu phố có mời ông H qua nhà ông T, sau đó ông H về nhà kêu bà phải ký tên vào tờ thỏa thuận, bà không chịu ký ông H đòi đánh bà nên bà mới ký tên đại. Còn về phần đất ông T nói bị ngập mặn 06 công là không có, lúa chết là do chuột cắn nên không thống nhất yêu cầu của ông T.

Bà Bùi Thị Hồng M trình bày: Trước đây việc hai bên ký thỏa thuận là do tự nguyện, buổi chiều cùng ngày ông H còn kêu bà dẫn đi đo 03 công đất bị ngập mặn cho ông H. Nếu như không có sự việc ngập mặn thì phía gia đình ông H sẽ không nhận 03 công đất để làm. Còn việc vợ chồng ông H cho rằng bị Ban lãnh đạo khu phố ép buộc ký thỏa thuận là không có.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T; buộc ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Út N cùng liên đới bồi thường cho ông T số tiền **4.860.000** đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông T đối với số tiền thuê dặm lúa là **2.000.000** đồng (Hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 5/5/2017 ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Út N có đơn kháng cáo vì vợ chồng ông H, bà N không đồng ý bồi thường cho ông T số tiền 4.860.000 đồng và đóng án phí với số tiền 243.000 đồng theo án sơ thẩm đã tuyên vì việc 03 công ruộng lúa của ông T bị xâm nhập mặn không phải là ông gây ra. Đối với Biên bản thõa thuận việc bồi thường giữa các bên là do Ban lãnh đạo khu phố V ép vợ chồng ông, bà ký tên nên vợ chồng ông, bà có trình báo sự việc lên UBND thị trấn T và UBND huyện T, đề nghị Cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía vợ chồng ông H, bà N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông H, bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng còn mang tính chung chung, qua nghiên cứu đơn khởi kiện của đương sự thể hiện nguyên đơn ông Đỗ Văn T yêu cầu phía ông H bồi thường thiệt hại về tài sản, do đó, cần rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng ông H, bà N, Hội đồng xét xử xét việc vợ chồng ông T, bà M bị thiệt hại lúa mà theo ông T trình bày là do nước mặn bên vuông nuôi tôm của vợ chồng ông H, bà N tràn qua nên đã báo chính quyền địa phương giải quyết. Theo nội dung biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/12/2016 các bên thống nhất thiệt hại gồm 03 công đất trồng lúa (bút lục 32). Việc nuôi tôm của vợ chồng ông H bà N không được chính quyền địa phương quy hoạch cho phép nuôi tôm mà chỉ quy hoạch trồng lúa và vợ chồng ông bà vẫn biết việc này (bút lục 25, 27). Ngay sau khi thiệt hại xảy ra, đại diện tổ 50 kết hợp ban lãnh đạo khu phố V, thị trấn T đã mời các bên lên hòa giải ngày 07/6/2016 và xác định nước mặn bên vuông tôm của vợ chồng ông H, bà N có tràn qua đất trồng lúa của vợ chồng T, bà M, nên giữa hai bên đã thõa thuận nước mặn tràn qua diện tích đất trồng lúa của ông T 06 công, phía ông T canh tác 03 công phía trên, còn bên ông H canh tác 03 công phía dưới, phía vợ chồng ông H, bà N đồng ý ký tên (bút lục 51), nhưng sau đó vợ chồng ông H, bà N không thực hiện và cho rằng tổ hòa giải ép buộc.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh các thành viên tham dự buổi hòa giải ngày 07/6/2016, những thành viên này đều trình bày qua động viên hòa giải cả hai bên đều tự nguyện thõa thuận giải quyết khắc phục thiệt hại, không có ai trong tổ hòa giải ép buộc họ (bút lục 28), việc ông H nại ra ông H1 trưởng khu phố ép buộc ông ký vào biên bản hòa giải ngày 07/6/2016, nhưng thành phần tham gia buổi hòa giải không có mặt ông H1 và ông H1 cũng có lời khai là ông không có ép buộc gì đối với ông H mà chỉ nghe anh em tham gia hòa giải báo lại (bút lục 30). Như vậy, thiệt hại đất trồng lúa của vợ chồng ông T, bà M có xảy ra và các bên đã

có thõa thuận khắc phục thiệt hại, nhưng vợ chồng ông H cho rằng bị ép buộc, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vợ chồng ông H trình bày là vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì với ban lãnh đạo khu phố và thành phần tham gia buổi hòa giải ngày 07/6/2016 không có quan hệ huyết thống đối với phía vợ chồng ông T, bà M. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông H, bà N bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông T, bà M các khoản chi phí bỏ ra ban đầu khi xạ lúa phù hợp thực tế tại địa phương thấp hơn yêu cầu khởi kiện của ông T là khách quan, có cơ sở pháp lý.

Cho nên, trong thảo luận và nghị án, hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử bác nội dung kháng cáo của vợ chồng ông H, bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Buộc vợ chồng ông H, bà N phải nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 604, 608 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Út N.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

4. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Út N có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Đỗ Văn T số tiền 4.860.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông T đối với số tiền thuê dặm lúa là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định Tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Út N liên đới chịu án phí giá ngạch bằng số tiền: 243.000 đồng (hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Buộc ông Đỗ Văn T phải nộp án phí không giá ngạch bằng số tiền: 200.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004147 ngày 17/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, ông T được nhận lại số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).

Án phí phúc thẩm: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Việt H và bà Phạm Thị Út N liên đới chịu 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004237 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Thuận;
- THA dân sự huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Lâm Sơn